

Số: 27/NQ-HĐND

Khánh Bình, ngày 19 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2026 – 2030 trên địa bàn xã Khánh Bình

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KHÁNH BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐU ngày 20/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã Khánh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 06-NQ/ĐU, ngày 27/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030;

Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 31/10/2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc thông qua Nghị quyết của HĐND về Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 và Báo cáo thẩm tra số 07/BC-BVHXXH ngày 08/12/2025 của Ban Văn hoá – xã hội Hội đồng nhân dân xã;

Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu đã thảo luận và thống nhất.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn, nhất là hộ nghèo, hộ cận nghèo; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội. Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững, giảm dần khoảng cách giàu nghèo; hạn chế tái nghèo và phát sinh hộ nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên thoát nghèo bền vững, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết đề ra.

Điều 2. Một số chỉ tiêu

- Hàng năm, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 0,05 - 0,11%/năm, tỷ lệ hộ cận nghèo giảm từ 0,03 - 0,09%/năm, hạn chế tái nghèo so với tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm. Đến năm 2030, tỷ lệ hộ nghèo toàn xã còn dưới 0,5% theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận đầy đủ dịch vụ y tế, giáo dục,

việc làm và an sinh xã hội; phấn đấu 100% người nghèo trong độ tuổi lao động, có nhu cầu học nghề được hỗ trợ đào tạo nghề, tập huấn và định hướng nghề nghiệp, được ưu tiên giới thiệu việc làm để có việc làm ổn định, tăng thu nhập.

STT	Năm	Tổng số hộ dân	HỘ NGHÈO					HỘ CẬN NGHÈO				
			Hộ nghèo đầu năm	Tỷ lệ hộ nghèo đầu năm	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo			Hộ cận nghèo đầu năm	Tỷ lệ hộ cận nghèo đầu năm	Chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ cận nghèo		
					Hộ nghèo giảm năm	Số còn cuối năm	Tỷ lệ cuối năm			Hộ cận nghèo giảm năm	Số còn cuối năm	Tỷ lệ cuối năm
01	2025	7.765	64	0,82	6	58	0,75	38	0,49	7	31	0,40
02	2026	7.785	58	0,75	8	50	0,64	31	0,40	7	24	0,31
03	2027	7.810	50	0,64	7	43	0,55	24	0,31	5	19	0,24
04	2028	7.830	43	0,55	6	37	0,47	19	0,24	4	15	0,19
05	2029	7.855	37	0,47	5	32	0,40	15	0,19	3	12	0,15
06	2030	7.880	32	0,41	5	27	0,35	12	0,15	3	9	0,12

Điều 3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện công tác giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị và nhân dân về tầm quan trọng của Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030. Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu, phải tiên phong, gương mẫu, sử dụng phương pháp và cách làm phù hợp để tạo sự đồng thuận, chung tay vì người nghèo, thể hiện tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

- Phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là vai trò người có uy tín ở cộng đồng để đi sâu, đi sát trong công tác tuyên truyền, vận động nhằm thay đổi nhận thức người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, về tầm quan trọng của công tác giảm nghèo bền vững, xây dựng nếp sống sinh hoạt tiến bộ, khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, tự chủ vươn lên thoát nghèo, kiên quyết không trông chờ ỷ lại vào sự giúp đỡ của nhà nước và xã hội. Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền như sinh hoạt chi bộ, đoàn thể và tăng cường sử dụng hệ thống Trạm Truyền thanh của xã để phổ biến kịp thời chính sách, chế độ ưu đãi của Nhà nước,

tạo tác động tích cực trong cộng đồng.

- Thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo biết tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, các chính sách tín dụng ưu đãi, học nghề; định hướng cho người dân biết khai thác nội lực của bản thân, các điều kiện được hỗ trợ vay vốn và sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả theo, từ đó tự tin vươn lên ổn định đời sống và làm giàu chính đáng.

2. Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện theo hướng đa chiều

- Thực hiện quy hoạch vùng sản xuất, vùng nghề phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc thù địa phương; phân vùng rõ ràng các khu vực phù hợp phát triển nuôi trồng thủy sản, trồng rau màu, cây ăn trái, chăn nuôi, tiểu thủ công nghiệp, du lịch sinh thái cộng đồng... để hỗ trợ người dân lựa chọn mô hình sinh kế hiệu quả. Khuyến khích phát triển “cụm sinh kế” hoặc “tổ liên kết sản xuất” trong phạm vi nhỏ để dễ dàng quản lý, giám sát và nhân rộng.

- Lồng ghép quy hoạch hỗ trợ sinh kế vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp xã; cập nhật nhu cầu, tiềm năng và định hướng phát triển sinh kế bền vững cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ chính sách vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch vùng sản xuất tập trung, vùng chuyển đổi cây trồng, vật nuôi. Bố trí quỹ đất công, đất nông nghiệp không sử dụng hiệu quả, đất vùng trũng, đất rừng ngập mặn... để ưu tiên cho các mô hình sinh kế cộng đồng, hợp tác xã, tổ hợp tác.

- Quy hoạch kết cấu hạ tầng hỗ trợ sinh kế, ưu tiên đầu tư hạ tầng thiết yếu phục vụ sinh kế.

- Tích hợp quy hoạch sinh kế với quy hoạch nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu; bảo đảm sự đồng bộ giữa các chương trình, dự án hỗ trợ người dân, tránh chồng chéo, phân tán nguồn lực. Hướng dẫn các địa phương lồng ghép các tiêu chí về hỗ trợ sinh kế vào tiêu chí phát triển sản xuất trong chương trình nông thôn mới và các kế hoạch ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu.

3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế, tạo việc làm bền vững, hỗ trợ an sinh xã hội toàn diện

- Đảng ủy xác định chương trình giảm nghèo bền vững là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, hàng đầu trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của xã. Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phải kiên quyết thực hiện phương châm “*Tập trung nguồn lực, hướng đúng đối tượng*”. Theo đó, phải ưu tiên mọi nguồn lực và sự chỉ đạo chuyên sâu vào các ấp có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao, coi đây là “*vùng lõi*” cần phải giải quyết. Đồng thời, công tác chỉ đạo phải bám sát, đi vào từng hộ nghèo, hộ cận nghèo để xác định đúng nguyên nhân nghèo (*thiếu vốn, thiếu việc làm, thiếu kiến thức,...*) và thiết kế giải pháp hỗ trợ sinh kế, đào tạo nghề phù hợp, cụ thể cho từng hộ.

- Phát triển sản xuất, đào tạo nghề, giải quyết việc làm: Tập trung phát triển toàn diện nông nghiệp; mở rộng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác liên kết tiêu thụ sản phẩm; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, đặc biệt là việc tìm các giống cây có năng suất cao, chất lượng tốt, phù hợp với điều kiện để nâng

cao giá trị sản phẩm. Mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng nhằm khai thác tiềm năng, lợi thế, tạo điều kiện việc làm, tăng thu nhập tại chỗ cho người dân; nâng cao chất lượng giáo dục, nhằm nâng cao trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực, phối hợp đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn, nhất là quan tâm đào tạo nghề cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, từ đó nâng cao kiến thức tay nghề cho lao động đủ điều kiện tham gia thị trường lao động.

- Thực hiện kịp thời, đúng, đủ các chính sách an sinh xã hội như: Chính sách về tín dụng ưu đãi, chính sách miễn giảm học phí, chính sách trợ cấp xã hội cho người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, chính sách cho người có công, chính sách cho đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng – sửa chữa nhà ở, tiếp cận nước sạch và vệ sinh môi trường cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

4. Xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo hiệu quả.

Thường xuyên rà soát, đánh giá các mô hình giảm nghèo để kịp thời nhân rộng các cách làm hay, mô hình hiệu quả; phát huy các sáng kiến giảm nghèo dựa vào cộng đồng. Thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế dành cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo để củng cố nền tảng sinh kế, ngăn ngừa tái nghèo; vận động, khuyến khích các cá nhân, hộ gia đình làm ăn giỏi, có uy tín trong cộng đồng tham gia giúp đỡ, hướng dẫn cho hộ nghèo học tập, làm theo từ các mô hình sản xuất, sinh kế hiệu quả; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, trồng cây ăn trái,... có giá trị kinh tế cao, phù hợp với lợi thế và điều kiện tự nhiên của địa phương.

5. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát

- Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả hỗ trợ sinh kế theo tiêu chí cụ thể; thực hiện công khai, minh bạch trong phân bổ, triển khai tổ chức thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn để thực hiện, đảm bảo chính sách đến từng đối tượng được hỗ trợ; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn được hỗ trợ sinh kế theo nhu cầu và ổn định cuộc sống sau khi được hỗ trợ.

- Tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ngay từ khâu rà soát, lập danh sách, triển khai hỗ trợ cho các đối tượng thụ hưởng đảm bảo đúng tiến độ, yêu cầu đề ra.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, Hai Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Khánh Bình khóa XII, Kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 19 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Sở TN và MT;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Hai Ban HĐND xã;
- CT, các PCT.UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các tổ chức chính trị - xã hội xã;
- Các phòng chuyên môn xã;
- Trang thông tin điện tử xã (t/b);
- Trưởng ấp các ấp;
- Lưu: VT, NN.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Tiến